

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá nước sạch sinh hoạt

1. Giá nước sạch sinh hoạt của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Tiền Giang:

Stt	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch	Đơn vị tính	Đơn giá
Nhóm 1	Hộ dân cư		
	- Mức dưới 10 m ³ /đồng hồ/tháng	đồng/m ³	8.800
	- Từ trên 10 - 20 m ³ /đồng hồ/tháng	đồng/m ³	11.000
	- Trên 20 m ³ /đồng hồ/tháng	đồng/m ³	13.000
Nhóm 2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	đồng/m ³	12.000
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	đồng/m ³	13.300
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	đồng/m ³	14.800

2. Giá nước sạch sinh hoạt của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác cung cấp nước sạch sinh hoạt khác được áp dụng tối đa bằng với mức giá theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giá nước sạch sinh hoạt quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%, chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

4. Các đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm kê khai, tính, thu hộ và nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với thuế tài nguyên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 10 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Tiền Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- VP: CVP và các PCVP,
Các phòng NC, Phòng KT (Khương),
Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh,
Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (Tú). /.

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN /
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng